# L6-22 · Đáp án và hướng dẫn tự kiểm

Năm bài do Cùng Học Toán tự biên soạn cho học sinh lớp 6. Chọn bài theo tiền đề, không phải lịch năm ngày bắt buộc.

Tự thử trước khi mở đáp án. Ghi riêng phần đã gợi hoặc làm mẫu; chia nhỏ khi cần. Hoạt động có đồ dùng phải được thực hiện thật mới ghi kết quả.

## Chuẩn bị, cách học và lưu ý chung cho năm bài

**Chuẩn bị:** Giấy nháp và bút; có thể kẻ bảng hàng hoặc dùng sơ đồ để tự kiểm.

**Cách tổ chức:** Đọc dữ kiện, điều kiện và điều cần tìm trước khi tính hoặc vẽ. Ghi cách làm đủ để kiểm từng bước.

**Cách tổ chức:** Tự thử trước khi mở hướng dẫn; kiểm lại bằng tính chất, phép tính ngược, đơn vị hoặc dụng cụ khi phù hợp.

**Lưu ý:** Chấp nhận cách làm khác nếu giữ đúng điều kiện, quan hệ và đơn vị. Với câu mở hoặc đo thật, đối chiếu dữ kiện em đã chọn, không bắt buộc theo ví dụ đáp án.

**Lưu ý:** Giữ bài làm đầu và ghi bước cần sửa, cùng phần đã được hướng dẫn. Không dùng tốc độ hay số trang đã làm để xác nhận hiểu toán.

## Bài 1. Nhận số thập phân âm qua phân số

**Mục tiêu:** Nhận số thập phân âm qua phân số.

**Ví dụ đã giải:** −17/10 viết dưới dạng thập phân là −1,7; −5/100 = −0,05. Dấu âm chỉ giá trị ở phía âm của 0, không phải một chữ số trong phần thập phân.

**1. Viết −23/10 và −8/100 dưới dạng số thập phân.**

**Đáp án / ghi nhận:** −2,3 và −0,08.

**2. Viết −4,06 thành phân số có mẫu 100.**

**Đáp án / ghi nhận:** −406/100.

**3. Viết 7/(−1000) thành số thập phân.**

**Đáp án / ghi nhận:** −0,007.

**4. Bạn viết −9/100 = −0,9. Dùng giá trị hàng để sửa.**

**Đáp án / ghi nhận:** −9/100 = −0,09. Số −0,9 là −9/10 = −90/100, khác số đã cho.

## Bài 2. Tìm số đối của số thập phân

**Mục tiêu:** Tìm số đối của số thập phân.

**Ví dụ đã giải:** Số đối của −2,35 là 2,35; số đối của 0,4 là −0,4. Số 0,0 vẫn bằng 0 và có số đối là 0.

**1. Viết số đối của 3,08 và của −0,125.**

**Đáp án / ghi nhận:** −3,08 và 0,125.

**2. Số đối của −7,500 có thể viết gọn thế nào?**

**Đáp án / ghi nhận:** 7,5; cũng chấp nhận 7,500.

**3. Số −0,00 có khác số 0 không? Viết số đối.**

**Đáp án / ghi nhận:** Không khác; −0,00 = 0 và số đối là 0.

**4. Bạn gọi −1,25 là số đối của −1,250 vì đã thêm chữ số 0. Sửa.**

**Đáp án / ghi nhận:** −1,25 và −1,250 bằng nhau, chưa đối nhau. Số đối là 1,25 hoặc 1,250.

## Bài 3. So sánh số thập phân có dấu

**Mục tiêu:** So sánh số thập phân có dấu.

**Ví dụ đã giải:** Trong hai số âm, số xa 0 hơn về phía âm là số nhỏ hơn: −3,8 < −3,2. Khi so hai số âm, cần xét vị trí của cả số, không chỉ so các chuỗi chữ số.

**1. So sánh −2,7 và −2,35.**

**Đáp án / ghi nhận:** −2,7 < −2,35 vì −2,70 ở xa 0 hơn về phía âm.

**2. So sánh −0,08 và 0,01.**

**Đáp án / ghi nhận:** −0,08 < 0,01 vì số âm nhỏ hơn số dương.

**3. So sánh −4,006 và −4,06 bằng cách viết cùng số hàng thập phân.**

**Đáp án / ghi nhận:** −4,006 > −4,060.

**4. Bạn đổi −5,9 thành −5,90 rồi kết luận −5,90 > −5,12 vì 90 > 12. Sửa kết luận và giải thích vai trò của dấu âm.**

**Đáp án / ghi nhận:** −5,90 < −5,12. Phần không dấu 5,90 lớn hơn 5,12 nhưng hai số âm có thứ tự ngược lại; không kết luận chỉ từ số chữ số.

## Bài 4. Sắp thứ tự và kiểm các chữ số không

**Mục tiêu:** Sắp thứ tự và kiểm các chữ số không.

**Ví dụ đã giải:** Xếp tăng −1,2; −1,20; −1,02; 0 được −1,2 = −1,20 < −1,02 < 0. Chữ số 0 ở tận cùng phần thập phân không đổi giá trị, kể cả số âm.

**1. Xếp tăng: −0,5; −0,05; 0; 0,5.**

**Đáp án / ghi nhận:** −0,5 < −0,05 < 0 < 0,5.

**2. Xếp giảm: −3,4; −3,04; −3,40; −3,004.**

**Đáp án / ghi nhận:** −3,004 > −3,04 > −3,4 = −3,40.

**3. Điền dấu: −2,030 ... −2,03 và −2,030 ... −2,3.**

**Đáp án / ghi nhận:** −2,030 = −2,03; −2,030 > −2,3.

**4. Tự chọn hai số âm có cùng phần nguyên, một số có nhiều chữ số sau dấu phẩy hơn nhưng lại lớn hơn. Giải thích.**

**Đáp án / ghi nhận:** Ví dụ −6,02 > −6,1 vì −6,02 > −6,10. Chấp nhận cặp khác với đúng thứ tự, không suy từ độ dài cách viết.

## Bài 5. Dùng số thập phân âm trong số đo

**Mục tiêu:** Dùng số thập phân âm trong số đo.

**Ví dụ đã giải:** Trong dữ kiện nhiệt độ minh họa, −2,5 °C thấp hơn −1,8 °C. Với độ cao, chỉ so các số sau khi đã dùng cùng mốc và cùng đơn vị.

**1. Nhiệt độ minh họa ở A là −3,2 °C, ở B là −2,85 °C. Nơi nào ấm hơn?**

**Đáp án / ghi nhận:** B ấm hơn vì −2,85 > −3,2.

**2. Theo cùng mốc, đáy ao ở −1,25 m và đáy giếng ở −3,5 m. Điểm nào thấp hơn?**

**Đáp án / ghi nhận:** Đáy giếng thấp hơn vì −3,5 < −1,25.

**3. Sắp độ cao theo thứ tự thấp đến cao: −0,8 m; 1,2 m; −1,05 m, cùng mốc.**

**Đáp án / ghi nhận:** −1,05 m; −0,8 m; 1,2 m.

**4. Hai điểm có số ghi độ cao −2,4 m nhưng lấy hai mốc khác nhau. Có kết luận hai điểm cùng độ cao thực không?**

**Đáp án / ghi nhận:** Chưa. Cần biết hai mốc có cùng cao độ hoặc quan hệ giữa chúng để đổi về cùng mốc; số ghi giống nhau chưa đủ.